Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7205.29.00

Mã HS	7205.29.00
Mô tả hàng hóa	Hạt và bột, của gang thỏi, gang kính, sắt hoặc thép / - Bột: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	02/11/2026 04:17:21
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/72052900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10981
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10981
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q10981
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ10981
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10291
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10242
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10242
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10242
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10242
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10242
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10242
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10294
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10294

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10294
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10294
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10294
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10294
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10295
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10295
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10295
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10295
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10295
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10295
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10296
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10248
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10254
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10254
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10254
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10254
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10254
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10254
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10279
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10279
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10279
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10279
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10279
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10279
VCFTA	2022	2022	0	VC!D10332
VCFTA	2023	2023	0	VC!E10332

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10332
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10332
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10332
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10332
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10317
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10317
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10317
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10317
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10317
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10317
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10317
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10317
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10317
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10317
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10317
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10317
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10334
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10334
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10334
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10334
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10334
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10334
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10333
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10333
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10333
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10333

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10333
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10333
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10274
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10274
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10274
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10274
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10274
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10274
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10274
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10311
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10311
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10311
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10311
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10311
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10311
RCEP B	2022	2022	0	B!D10311
RCEP B	2023	2023	0	B!E10311
RCEP B	2024	2024	0	B!F10311
RCEP B	2025	2025	0	B!G10311
RCEP B	2026	2026	0	B!H10311
RCEP B	2027	2027	0	B!I10311
RCEP C	2022	2022	0	C!D10311
RCEP C	2023	2023	0	C!E10311
RCEP C	2024	2024	0	C!F10311
RCEP C	2025	2025	0	C!G10311
RCEP C	2026	2026	0	C!H10311

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I10311
RCEP D	2022	2022	0	D!D10310
RCEP D	2023	2023	0	D!E10310
RCEP D	2024	2024	0	D!F10310
RCEP D	2025	2025	0	D!G10310
RCEP D	2026	2026	0	D!H10310
RCEP D	2027	2027	0	D!I10310
RCEP E	2022	2022	0	E!D10314
RCEP E	2023	2023	0	E!E10314
RCEP E	2024	2024	0	E!F10314
RCEP E	2025	2025	0	E!G10314
RCEP E	2026	2026	0	E!H10314
RCEP E	2027	2027	0	E!I10314
RCEP F	2022	2022	0	F!D10311
RCEP F	2023	2023	0	F!E10311
RCEP F	2024	2024	0	F!F10311
RCEP F	2025	2025	0	F!G10311
RCEP F	2026	2026	0	F!H10311
RCEP F	2027	2027	0	F!I10311
VIFTA	2024	2024	0	VI!F9531
VIFTA	2025	2025	0	VI!G9531
VIFTA	2026	2026	0	VI!H9531
VIFTA	2027	2027	0	VI!I9531

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Sản phẩm gang, sắt, thép cơ bản > Gang, gang thỏi không hợp kim; gang thỏi hợp kim; gang thỏi giàu mangan, hợp kim sắt-cacbon chứa trên 6% nhưng không quá 30% mangan tính theo trọng lượng dạng khối hoặc dạng cơ bản khác. (Tham chiếu mã HS 4 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7205.29.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7205.29.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10981), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.